

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

V/v : "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và ông Nguyễn Sao Hôm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2022 về việc kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 14/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 01/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th , sinh năm 1984. CCCD số 030184024082, cấp ngày 28/6/2021.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Đ , sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ chị Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương vào năm 2010. Tháng 9/2021, chị phải về quê ngoại sinh sống do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân hẳn từ tháng 9 năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân do anh Đ không chịu lao động, không

quan tâm gia đình, vợ con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè bê tha, không làm chủ được bản thân, luôn hành hạ vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh Đ đã cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 9/2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn anh Đức.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/6/2011 và Bùi Thị Yên N, sinh ngày 31/5/2016, hiện cả hai cháu A và N đang ở cùng chị, sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện làm công nhân, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo biên bản lấy lời khai, anh Đ trình bày:* Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị Th trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất hòa trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Mặc dù vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không muốn đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ vì anh cho rằng có hòa giải thì tình cảm vợ chồng cũng không còn được như trước, tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì không muốn các con phải khổ.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/6/2011 và Bùi Thị Yên N, sinh ngày 31/5/2016, hiện cả hai cháu A và N đang ở cùng chị Th. Nếu ly hôn anh để tùy các con muốn ở cùng ai anh cũng đồng ý và anh xác định anh hiện không có việc làm nên không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh cũng đồng ý quan điểm của chị Th.

Tại phiên tòa:

- Chị Th xin vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ; chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì.

Chủ tọa công bố nội dung đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Th và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát

ngiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Xử cho chị Th được ly hôn anh Đ; giao cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/6/2011 và Bùi Thị Yên N, sinh ngày 31/5/2016 đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: Chị Bùi Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Đ kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Th với anh Đ: Tại biên bản lấy lời khai anh Đ, anh thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay; anh xác định không muốn đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ vì anh cho rằng có hòa giải thì cũng không còn tình cảm như trước. Chị Th xác định do anh Đ không chịu lao động, không quan tâm gia đình, vợ con, thường xuyên cờ bạc, rượu chè bê tha, không làm chủ được bản thân, luôn hành hạ vợ con. Chị và gia đình đã khuyên bảo động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 9 năm 2022, chị đã bỏ hẳn về quê ngoại sinh sống, cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, kinh tế với anh Đ từ đó đến nay. Qua lời khai của bà Đồng Thị D, là mẹ đẻ chị Th cũng xác định vợ chồng anh Đ chị Th có mâu thuẫn, thường hay xảy ra xích mích, anh Đ thường hay rượu chè, cờ bạc, quát mắng vợ con. Cháu Bùi Thị Ngọc A, là con anh Đ chị Th cũng có lời khai được chứng kiến nhiều lần anh Đ say rượu, về nhà quát mắng, hành hạ chị Th và các cháu. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định được vợ chồng anh Đ chị

Th có bất đồng, cãi vã. Anh Đ cũng không có mặt tại Tòa án theo giấy báo để giải quyết việc chị Th xin ly hôn anh, anh từ chối hòa giải đoàn tụ vì anh cho rằng hòa giải cũng không còn tình cảm vợ chồng như trước, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến gia đình, vợ con. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh Đ thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Th được ly hôn anh Đ là phù hợp.

3/ *Về con chung*: Chị Th và anh Đ có hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/6/2011 và Bùi Thị Yên N, sinh ngày 31/5/2016, hiện cả hai cháu A và N đang ở cùng chị Th. Chị Th xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, chị hiện làm công nhân, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng; bà D là mẹ đẻ chị Th cũng xác định bà có đủ điều kiện và cam kết hỗ trợ mẹ con chị Th có cuộc sống ổn định nhất. Anh Đ xác định anh không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con, anh để tùy các cháu lựa chọn ở với anh hay chị Th và anh không một lần anh đến Tòa án để giải quyết công việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, chứng tỏ anh không quan tâm đến việc chăm sóc nuôi dạy con. Cháu Ngọc A cũng xác định muốn được ở cùng chị Th. Xét nên giao cả hai cháu Ngọc A và Yên N cho chị Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị Th và anh Đ, phù hợp với ý nguyện của cháu Ngọc A, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp và sự phát triển toàn diện của hai cháu Ngọc A và Yên N, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Th không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

4/ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Th và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau này chị Th và anh Đ nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

5/ *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Th có yêu cầu Tòa án giải quyết về Hôn nhân & gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Căn cứ vào**: Khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

3/ Về quan hệ con chung: Chị Th và anh Đ có hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 18/6/2011 và Bùi Thị Yên N, sinh ngày 31/5/2016, hiện cả hai cháu A và N đang ở cùng chị Th.

Giao cho chị Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Ngọc A và Yên N đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004848 ngày 11 tháng 10 năm 2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Đ, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung